

Bản án số: 23/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 09/9/2022.

“Về việc ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH HOÁ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Khánh.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Tâm

2. Ông Phạm Đức Tuế.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thành Huế - Thư ký Toà án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái nguyên tham gia phiên tòa: Ông **Đinh Ngọc Vĩnh** - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 96/2022/TLST - HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2022 về việc "Tranh chấp về ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2022/QĐXX - HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Kh, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: Xóm TH, xã LV, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa)

- Bị đơn: Anh Phùng Đức D, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Xóm TH, xã LV, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Nguyên đơn Chị Hoàng Thị Kh trình bày tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết vụ án:*

Chị và anh Phùng Đức D có tìm hiểu nhau một thời gian, được hai bên gia đình đồng ý và tổ chức cưới hỏi theo phong tục của địa phương vào khoảng năm 1999. Việc về chung sống với nhau giữa chị và anh D là hoàn toàn tự nguyện. Tuy nhiên, chị và anh D không đăng ký kết hôn theo quy định.

Thời gian đầu vợ chồng anh, chị chung sống hạnh phúc. Sau đó phát sinh những mâu thuẫn trong gia đình. Anh D không chịu khó làm ăn, chỉ biết ăn chơi, thường xuyên uống rượu về nhà chửi mắng và đánh chị, đập phá đồ đạc trong nhà, không quan tâm đến gia đình và vợ con dẫn đến vợ chồng anh, chị thường xuyên cãi cọ, xô sát, dùng những lời nói xúc phạm nhau. Chị thương con và được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nên chị đã nhẫn nhịn mong anh D thay đổi. Nhưng anh D vẫn chứng nào tật đấy không chịu thay đổi. Chị và anh D sống ly thân từ tháng 4 năm 2021 đến nay. Nay chị xác định không còn quan tâm, yêu thương anh D nữa chị cương quyết xin được ly hôn anh D.

Về con chung: Chị xác định, chị và anh D có 01 con chung là Phùng Thị Thu Hòa, sinh ngày 19/5/2001. Con chung của anh, chị đã trưởng thành, lao động tự túc được. Ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh D tự thỏa thuận phân chia. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Phùng Đức D trình bày tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai tại Tòa án:*

Anh và chị Kh có được tự nguyện tìm hiểu nhau, được hai bên gia đình đồng ý và tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương từ năm 1999. Việc về chung sống với nhau là hoàn toàn tự nguyện. Tuy nhiên, anh và chị Kh không đi đăng ký kết hôn theo quy định.

Nguyên nhân mâu thuẫn anh D xác định lỗi cũng một phần do anh thỉnh thoảng có uống rượu về nhà có to tiếng với chị Kh. Chị Kh thấy anh say rượu lại nói anh không biết lo cho gia đình, không làm ra tiền phụ giúp gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi cọ, xô sát, dùng những lời nói xúc phạm nhau. Từ năm 2021, chị Kh tự ý bỏ đi làm công ty không quan tâm đến anh, anh và chị Kh sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị Kh xin ly hôn, anh mong chị Kh suy nghĩ lại để vợ chồng về đoàn tụ chung sống với nhau. Tuy nhiên, trước ngày mở phiên tòa anh D có đơn xin xét xử vắng mặt, anh có nêu quan điểm trong trường hợp chị Kh cương quyết xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh xác định, anh và chị Kh có 01 chung là Phùng Thị Thu Hòa, sinh ngày 19/5/2001. Con chung của anh, chị đã trưởng thành, lao động tự túc được nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị Kh tự thỏa thuận phân chia. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trước khi nghị án, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân theo pháp luật tố tụng, việc cấp giao tổng đạt văn bản tố tụng, việc xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ, thủ tục tố tụng, thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự đảm bảo đúng quy định của pháp luật;

- Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa chị Hoàng Thị Kh và anh Phùng Đức D; Về con chung: Con chung của chị Kh và anh D là Phùng Thị Thu Hòa, sinh ngày 19/5/2001 đã đủ tuổi trưởng thành theo quy định của pháp luật, không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết. Đối với tài sản chung, nợ chung: Chị Kh, anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về án phí: chị Kh phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo đối với bản án.

Sau khi thụ lý vụ án, Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải để anh, chị về đoàn tụ với nhau nhưng không thành. Do chị Kh và anh D không có đăng ký kết hôn. Vì vậy, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày hôm nay.

Tại phiên tòa, anh D có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Kh đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh D theo quy định của pháp luật, chị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện kiên quyết xin ly hôn với anh D và giữ nguyên yêu cầu, quan điểm giải quyết về con chung, tài sản chung như đã trình bày ở trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ ý kiến đại diện Viện kiểm sát, ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình. Nguyên đơn và bị đơn trong vụ án đều có nơi cư trú tại huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ bằng biện pháp lấy lời khai của đương sự nên việc xét xử có sự tham gia của Kiểm sát viên theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp đúng quy định của pháp luật.

- Xét về quan hệ hôn nhân và về yêu cầu xin ly hôn của chị Kh, ý kiến của anh D thấy rằng:

Chị Hoàng Thị Kh và anh Phùng Đức D quen biết và có thời gian tìm hiểu nhau, được sự đồng ý của hai gia đình và tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương vào năm 1999. Chung sống với nhau là hoàn toàn tự nguyện. Tuy nhiên, chị Kh và anh D không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tòa án đã xác minh về việc đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về hộ tịch. Kết quả xác minh cho thấy, chị Hoàng Thị Kh và anh Phùng Đức D không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về hộ tịch tại Ủy ban nhân dân xã LV, huyện Đ.

Quá trình chung sống, giữa chị Kh và anh D nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh D thường xuyên uống rượu say về đập phá đồ đạc trong nhà, xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của chị, dẫn đến thiếu sự tôn trọng lẫn nhau giữa anh, chị. Nay anh, chị xác định không còn quan tâm đến nhau nữa. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Qua xác minh mâu thuẫn vợ chồng tại địa phương, xác định: Trong quá trình sinh sống tại địa phương từ năm 1999 đến nay, chị Kh và anh D thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, đã được gia đình góp ý nhiều lần nhưng chị Kh và anh D vẫn cãi nhau, không thể hòa hợp.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 để giải quyết. Tuy nhiên theo quy định tại Mục 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội hướng dẫn về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình quy định về việc áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 11 của luật hôn nhân và gia đình năm 2000 được thực hiện như sau:

“.....

b) Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 01 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01 tháng 01 năm 2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết.

Từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng;”

Sau khi chung sống với nhau, đến khi Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 có hiệu lực cho đến ngày 01/01/2003, chị Kh và anh D không đăng ký kết hôn, đến nay chị Kh và anh D vẫn không đăng ký kết hôn. Do vậy, cần áp dụng Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày

9/6/2000 của Quốc hội hướng dẫn về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình, không công nhận chị Hoàng Thị Kh và anh Phùng Đức D là vợ chồng.

Đến thời điểm chị Kh khởi kiện xin ly hôn với anh D, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đã có hiệu lực pháp luật, tại Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

Điều 9: “1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

.....”

Điều 14: “1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

.....”

Với những nhận định như trên. Việc chị Kh và anh D chung sống với nhau như vợ chồng kể từ cuối năm 1999 đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do vậy, cần tuyên bố chị Kh và anh D không phải là vợ chồng là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

- Về con chung: Chị Kh và anh D có 01 con chung là Phùng Thị Thu Hòa, sinh ngày 19/5/2001. Con chung của anh, chị đã trưởng thành, lao động tự túc được nên anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Kh và anh D tự thỏa thuận phân chia. Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị Hoàng Thị Kh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp và đúng pháp luật, cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- **Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 271 và Điều 273** của Bộ luật Tố tụng dân sự. Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; khoản 1 Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 51, 52 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Kh.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Hoàng Thị Kh và anh Phùng Đức D là vợ chồng.

2. Về con chung: Chị Hoàng Thị Kh và anh Phùng Đức D có 01 con chung là Phùng Thị Thu Hòa, sinh ngày 19/5/2001. Con chung đã trưởng thành đủ 18 tuổi lao động tự túc được. Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hoàng Thị Kh và anh Phùng Đức D tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu giải quyết. Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hoàng Thị Kh phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ theo biên lai thu số 0004606, ngày 24/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị đơn tại phiên tòa, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh TN;
- VKSND huyện Định Hoá;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Hồng Khánh